

Bản án số: 163/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐ-ST ngày 16/4/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị X, sinh ngày 03/5/1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang tạm trú tại: KDC Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
Căn cước công dân: 030192015252

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/09/1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú và địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ); Căn cước công dân: 024091022013.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh T được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh

Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Khoảng đầu năm 2020 anh T đi Đài Loan lao động để cải thiện kinh tế. Sau đó một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, một phần cũng vì khoảng cách địa lý của hai vợ chồng xa nhau, không được gặp nhau thường xuyên. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ cuối năm 2020 đến nay chị và anh T không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: chị, anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Hà V, sinh ngày 05/8/2016 và cháu Nguyễn Đăng Anh T1, sinh ngày 02/3/2019. Hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra chị X trình bày: Do bận công việc nên chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 04/4/2025 và 11/4/2025, anh Nguyễn Văn D là anh trai anh Nguyễn Văn T cung cấp:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh T, chị X được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau kết hôn chị X về gia đình làm dâu, anh chị chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2020 anh T đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan anh T, chị X vẫn hòa thuận nhưng được một thời gian thì thấy anh chị phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh, chị về đoàn tụ nhưng không được. Chị X hiện đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2020.

Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng Hà V, sinh ngày 05/8/2016 và cháu Nguyễn Đăng Anh T1, sinh ngày 02/3/2019. Hiện nay đang sinh sống cùng chị X tại Hải Dương

Ngoài ra anh cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh T sinh sống cùng gia đình tại thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan

anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình đã thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị X và anh T nhưng không thấy anh T phản hồi.

Cháu Nguyễn Đặng Hà V trình bày: cháu hiện đang sinh sống cùng mẹ, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn sinh sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đặng Thị X vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị X; Biên bản lấy lời khai của anh D, cháu V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị X có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Văn T. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị X, anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận cầu khởi kiện của chị Đặng Thị X; xử:

Về hôn nhân: chị Đặng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đặng Hà V và cháu Nguyễn Đặng Anh T1 cho chị Đặng Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do chị X không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Đặng Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Đặng Thị X khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 8919/QLXNC-P3 ngày 22/4/2025 của Cục Q-Bộ C cung cấp, anh Nguyễn Văn T, đã xuất cảnh ngày 09/9/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Do đó, anh T được xác định đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh T là bị đơn nơi thường trú cuối cùng tại tỉnh Bắc Giang. Do vụ án có bị đơn là anh Nguyễn Văn T ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn chị Đặng Thị X vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị X, anh T.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và anh Nguyễn Văn D (anh trai anh T) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh T ở Việt Nam là: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa chị Đặng Thị X và anh Nguyễn Văn T. Gia đình anh T cho biết anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị X và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị X, anh T phát sinh mâu thuẫn, chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị X, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị X và anh T chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2020 anh T đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng từ cuối năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống của người đó, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Ngoài ra, anh D là anh trai anh T cho biết anh T, chị X có mâu thuẫn và được gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không được. Hiện nay chị X đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại Hải Dương sinh sống. Do đó, Hội đồng xét xử

xác định chị X, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X với anh Thích X1 cho chị Đặng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn T là có căn cứ và phù hợp với thực tế cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị X và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đặng Hà V, sinh ngày 05/8/2016 và cháu Nguyễn Đặng Anh T1, sinh ngày 02/3/2019. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị X. Sau ly hôn chị X đề nghị giao các con chung cho chị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu V trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị X sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Anh T hiện đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Mặt khác, từ khi anh T đi nước ngoài các con chung do chị X nuôi dưỡng phát triển bình thường, hiện cháu V, cháu T1 đang sinh sống ổn định cùng chị X. Cháu V trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị X, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đặng Hà V, sinh ngày 05/8/2016 và cháu Nguyễn Đặng Anh T1, sinh ngày 02/3/2019 cho chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật sau khi ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình .

Trường hợp anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của các con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị X vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, có quyền kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị X.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đặng Hà V, sinh ngày 05/8/2016 và cháu Nguyễn Đặng Anh T1, sinh ngày 02/3/2019 cho chị Đặng Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000470 ngày 26/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đặng Thị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Đặng Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền